



Số: 1P6 /CTĐS-TCKT  
(V/v: Giải trình ý kiến trái ngược của kiểm toán đối với kết quả kinh doanh năm 2018)

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2019



Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt  
Địa chỉ: Tòa nhà số 33 - Đường Láng Hạ - Q.Ba Đình - TP Hà Nội  
Mã chứng khoán: RCC  
Đăng ký giao dịch chứng khoán: Trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt (RCC) nhận được văn bản số 471/SGDHN-QLNY ngày 05/04/2019 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc yêu cầu giải trình và công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất năm 2018 của RCC và thông báo số 339/TB-SGDHN ngày 5/4/2019 về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM đối với cổ phiếu RCC.

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt (RCC) xin được giải trình về ý kiến kiểm toán trái ngược tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 Công ty mẹ như sau:

**1. Ý kiến Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY đối với báo cáo tài chính của Công ty mẹ:**

**1.1 Ý kiến thứ nhất:** Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn với giá trị lần lượt là: 11,8 tỷ đồng và 60,2 tỷ đồng.

Về nội dung này Công ty giải trình như sau:

- Đối với khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi số tiền là 11,8 tỷ đồng trên báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2018 chưa được trích lập là do tại thời điểm lập báo cáo Công ty đang làm việc với các khách hàng còn nợ về thời gian thanh toán để bảo đảm rằng khoản phải thu sẽ được thanh toán. Tuy nhiên, để phản ánh đúng tình hình và dự phòng rủi ro trong thanh toán Công ty đã thận trọng thực hiện trích lập trên báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm cả dự phòng của Công ty mẹ lẫn dự phòng của các Công ty con theo ý kiến của kiểm toán tại thời điểm lập BCHN kinh doanh cho kỳ tài chính năm 2018<sup>(1)</sup>. Cụ thể như sau:

TT	Tên đơn vị	Dự phòng trên BCTC riêng lẻ	Bổ sung trích lập dự phòng	Dự phòng trên báo cáo hợp nhất
1	2	3	4	5=3+4
1	Báo cáo Công ty mẹ	4,911,560,078	11,841,498,660	16,753,058,738
2	Báo cáo Công ty XNK	44,369,624		44,369,624
3	Báo cáo Công ty 875	51,974,612	550,460,473	602,435,085
4	Báo cáo Công ty 878	385,687,784		385,687,784



5	Báo cáo Công ty VTĐS Đà Nẵng	631,795,141	374,884,000	1.006,679,141
6	Báo cáo Công ty 798		1,016,000,000	1,016,000,000
	<b>Tổng cộng(*):</b>	<b>6,025,387,239</b>	<b>13,782,843,133</b>	<b>19,808,230,372</b>

(\*) Tham chiếu Mã số 137 “BCĐKT” BCTCHN năm 2018.

- Đối với khoản dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn là 60,2 tỷ đồng chưa được trình bày trên báo cáo Công ty mẹ là do tại thời điểm lập báo cáo Công ty chưa nhận được báo cáo của các Công ty con đã được kiểm toán. Do đó, để thận trọng trong việc trích lập một cách chắc chắn nên Công ty chưa thực hiện dự phòng trên Báo cáo Công ty mẹ. Nhưng khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 Công ty chúng tôi đã ghi nhận toàn bộ khoản lỗ của khoản đầu tư này vào kết quả kinh doanh của Công ty mẹ<sup>(2)</sup> trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**1.2 Ý kiến thứ hai:** Công ty ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê cây xăng dầu 187 Hùng Vương thành phố Huế theo Hợp đồng số 454/HĐTTS ngày 21/08/2018 với tổng số tiền là: 11,7 đồng (thời hạn 12 năm) nhưng không ghi nhận giá vốn ước tính tương ứng.

Về nội dung này Công ty giải trình như sau:

Tại thời điểm lập và trình bày báo cáo Công ty mẹ kết thúc tại thời điểm ngày 31/12/2018, do chưa đồng thuận quan điểm về cách ước tính giữa Công ty và Công ty Kiểm toán nên chưa thực hiện việc ước tính chi phí của khoản doanh thu nói trên. Tuy nhiên, về vấn đề này để có một cách ước tính cụ thể hơn cho các năm tiếp theo trong việc ghi nhận chi phí trên BCTC Công ty mẹ, Công ty chúng tôi đã thống nhất với ý kiến của Công ty Kiểm toán là ghi nhận vào Khoản mục “336 BCĐKT hợp nhất - Doanh thu chưa thực hiện” và điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng trên BCKQKD “Khoản mục số 21”<sup>(3)</sup>.

Cụ thể như sau:

TT	Tên đơn vị	Doanh thu chưa thực hiện trên BCTC riêng lẻ	Bổ sung doanh thu chưa thực hiện trên BCTC HN	Tổng doanh thu chưa thực hiện trên báo cáo hợp nhất
1	2	3	4	5=3+4
1	Báo cáo Công ty mẹ	7,882,515,942	11,454,545,455	19,337,061,397
2	Báo cáo Công ty VTĐS Đà Nẵng	8,909,090,908		8,909,090,908
3	Loại trừ Công ty mẹ - Công ty con(*)		(7,882,512,729)	(7,882,512,729)
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>16,791,606,850</b>	<b>3,572,032,726</b>	<b>20,363,639,576</b>

(\*) Là doanh thu Công ty mẹ cho Công ty con thuê nhà xưởng.

Với ý kiến trái ngược của Công ty Kiểm toán tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ cho kỳ tài chính năm 2018. Công ty chúng tôi đã ghi nhận lại toàn bộ khoản mục (1); (2); (3) và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 lỗ 87,247 tỷ đồng.

**1.3 Biện pháp khắc phục tình trạng:** Để thực hiện đúng quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty mẹ và phản ánh đúng kết quả của từng báo cáo riêng lẻ của các bộ phận. Công ty chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đúng trong các kỳ tài chính tiếp theo và nghiêm túc thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quy định.

**2. Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2018 thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm 2017:**

**2.1 Đối với hoạt động SXKD của Công ty mẹ:**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng, giảm so với năm 2017	
1	2	3	4	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>103,642,904,451</b>	<b>211,697,743,676</b>	Giảm	51.0%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-		
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>103,642,904,451</b>	<b>211,697,743,676</b>	Giảm	51.0%
2. Giá vốn hàng bán	65,710,585,864	177,166,419,431	Giảm	62.9%
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (1-2)</b>	<b>37,932,318,587</b>	<b>34,531,324,245</b>	Tăng	9.8%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	17,188,238,177	9,085,021,326	Tăng	89.2%
5. Chi phí tài chính	23,721,537,021	29,186,226,098	Giảm	18.7%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23,256,734,126	18,298,596,125	Tăng	27.1%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,837,721,174	36,052,673,575	Giảm	11.7%
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (3+4-5-6)</b>	<b>(438,701,431)</b>	<b>(21,622,554,102)</b>	Giảm	98.0%
8. Thu nhập khác	2,494,702,887	286,170,550		
9. Chi phí khác	157,580,227	93,406,137		
<b>10. Lợi nhuận khác (8-9)</b>	<b>2,337,122,660</b>	<b>192,764,413</b>		
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (7+10)</b>	<b>1,898,421,229</b>	<b>(21,429,789,689)</b>	Tăng	108.9%
15. Thuế TNDN	-	-		
<b>13. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>1,898,421,229</b>	<b>(21,429,789,689)</b>	Tăng	108.9%

**(\*) Nguyên nhân giảm doanh thu và lợi nhuận sau thuế:**

- Doanh thu thuần trong năm 2018 giảm 51% là do nguyên nhân Công ty không tìm kiếm được việc làm mới mà chủ yếu thi công các công trình chuyên tiếp từ những năm trước chuyển sang với khối lượng còn lại rất ít.

- Lợi nhuận gộp năm 2018 tăng 9,8% là do nguyên nhân Công ty hoàn nhập các khoản trích trước giá vốn công trình. Vì vậy, dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm 2017

- Chi phí tài chính năm 2018 giảm 18,7% là do nguyên nhân Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng đầu tư dài hạn (như đã giải trình phần về ý kiến của kiểm toán). Vì vậy, chi phí tài chính giảm so với cùng kỳ năm 2017.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 giảm 11,7% là do nguyên nhân Công ty thực hiện sắp xếp và cơ cấu lại tổ chức đồng thời giảm biên chế. Vì vậy, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm 2017.

## 2.2 Báo cáo kết quả hoạt động SXKD hợp nhất toàn Tổng công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng, giảm so với năm 2017	
1	2	3	4	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>438,919,911,999</b>	<b>563,237,830,919</b>		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19,501,711	-		
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>438,900,410,288</b>	<b>563,237,830,919</b>	Giảm	22%
4. Giá vốn hàng bán	446,977,288,999	480,126,575,614	Giảm	7%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>(8,076,878,711)</b>	<b>83,111,255,305</b>	Giảm	110%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	11,120,661,793	3,864,879,390	Tăng	188%
7. Chi phí tài chính	30,461,624,798	24,807,321,064	Tăng	23%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	29,996,821,903	24,717,929,389	Tăng	21%
8. Chi phí bán hàng	2,505,392,051	2,484,846,627	Tăng	1%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	81,340,525,546	72,615,649,036	Tăng	12%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(111,263,759,313)</b>	<b>(12,931,682,032)</b>	Tăng	760%
11. Thu nhập khác	3,393,127,675	1,952,891,336		
12. Chi phí khác	2,249,804,723	3,351,934,116		
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>1,143,322,952</b>	<b>(1,399,042,780)</b>		
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(110,120,436,361)</b>	<b>(14,330,724,812)</b>	Tăng	668%
15. Thuế TNDN	485,064,335	4,206,688,212		
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(110,605,500,696)</b>	<b>(18,537,413,024)</b>	Tăng	497%

### Nguyên nhân chênh lệch so với cùng kỳ năm 2017:

- Công ty vẫn tiếp tục thiếu hụt trầm trọng về việc làm so với quy mô và tài sản, nên dẫn đến không bù đắp được chi phí khấu hao trong năm, lãi vay và chi phí quản lý. Đồng thời làm cho doanh thu bán hàng tiếp tục giảm trên 22% của toàn Tổng công ty. Mặt khác, doanh thu có được trong kỳ kinh doanh chủ yếu là làm thầu phụ dẫn đến lợi nhuận gộp của bán hàng không cao nên làm cho toàn Tổng Công ty tiếp tục lỗ.

- Do tình hình khách hàng và chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán cho Công ty nên làm cho chỉ tiêu về dự phòng phải thu khó đòi tăng lên.

175  
Y  
N  
GT  
INH  
SÁT  
TP. HA

- Trong năm 2018, do tạm dừng dự án Chống ngập Thành Phố Hồ Chí Minh mà Công ty 878 và các Công ty thành viên tham gia thi công nên làm cho chi phí thuê thiết bị, vật tư thi công của Tập đoàn Trung Nam không có sản lượng, doanh thu bù đắp chi phí, dẫn đến các đơn vị tham gia thi công đều bị lỗ (đặc biệt là Công ty 878 lỗ trên 33 tỷ đồng).

- Đối với khoản mục doanh thu hoạt động tài chính tăng 188% so với cùng kỳ năm 2017 là do trong năm Công ty được chia lợi nhuận liên danh từ Công ty Rinkail đối với dự án CP3C mà hai đơn vị liên danh và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ giá trị tham gia dự án.

### **2.3 Về lợi nhuận sau thuế TNDN chênh lệch trên 5% trước và sau kiểm toán đối với báo cáo tài chính hợp nhất:**

- Lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán: -79.476.435.519 đồng
- Lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán: -110.605.500.696 đồng
- Chênh lệch tăng: **-31.129.065.177 đồng**

#### **Nguyên nhân chênh lệch:**

- Do trình bày bổ sung dự phòng phải thu khó đòi dẫn đến tăng chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền là 13,3 tỷ đồng (của Công ty mẹ 11,8 tỷ đồng, Công ty con 1,5 tỷ đồng).

- Do điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và chuyển sang doanh thu chưa thực hiện số tiền là 11,7 tỷ đồng.

- Do hạch toán điều chỉnh tăng giá vốn của Công ty con với số tiền là 6,2 tỷ đồng.

Với các nguyên nhân trên làm cho số lỗ của Công ty từ 79.476.435.519 đồng tăng lên số tiền là 110.605.500.696 đồng.

Vậy, Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt xin được giải trình với Quý Sở và kính đề nghị Quý Sở xem xét đưa cổ phiếu RCC ra khỏi diện bị hạn chế theo thông báo số 339/TB-SGDHN ngày 5/4/2019 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để đảm bảo tình hình giao dịch của các nhà đầu tư.

Kính đề nghị Quý Sở xem xét.

**Xin chân thành cảm ơn!**

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị (b/c);
- Ban Kiểm soát (b/c);
- Website Công ty;
- Lưu TCKT, TCHC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Võ Văn Phúc**

